

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường THCS Hiệp Bình

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Số 5 đường số 4, KP 25 phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức.

Điện thoại: 0283.7270085 Website: <https://thcsbiepbinh.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Trường công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mệnh: Giáo dục học sinh có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm, tự trọng, phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Là nơi đáng tin cậy về chất lượng giáo dục.

Tầm nhìn: Xây dựng môi trường học tập kỉ cương, nề nếp, chất lượng, phát huy tính tự duy, sáng tạo, tính đoàn kết, trung thực, thân ái, khát vọng vươn lên, biết ứng xử tốt với mọi tình huống trong cuộc sống tương lai.

Hệ thống giá trị cơ bản: Tạo dựng môi trường học tập “Đoàn kết, trách nhiệm, thân thiện, hợp tác, sáng tạo, hiệu quả”.

Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, có cơ sở vật chất tốt.

Tiếp tục bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Hiệp Bình được thành lập theo Quyết định số 12/1998/QĐ-UB-VX ngày

07/01/1998 của UBND quận Thủ Đức.

Trước đây, Trường THCS Hiệp Bình được tách ra từ trường PTCS Hiệp Bình gồm Cấp 1 và Cấp 2. Riêng Cấp 2 được hình thành từ năm 1971-1972 với tên gọi là trường Trung học tỉnh hạt Hiệp Bình. Sau ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975, trường Trung học tỉnh hạt Hiệp Bình sát nhập với trường Tiểu học Hiệp Bình thành trường Cấp 1, 2 Hiệp Bình, sau đổi tên là trường PTCS Hiệp Bình.

Đến ngày 07/01/1998, do nhu cầu phát triển Giáo dục, trường PTCS Hiệp Bình được tách Cấp 1 và Cấp 2 thành 2 trường: THCS Hiệp Bình và trường tiểu học Hiệp Bình Phước.

Từ khi được thành lập năm 1998 số lượng lớp, học sinh ngày càng tăng, đến nay trường có 53 lớp học với 2515 học sinh, cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Hoàng Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 5, đường số 4, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283.7270085

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

- Quyết định số 12/1998/QĐ-UB-VX ngày 07/01/1998 của UBND quận Thủ Đức về việc thành lập Trường THCS Hiệp Bình.

- Quyết định 185/QĐ-UBND ngày 05/2/2021 của UBND Tp Thủ Đức về thay đổi cơ quan chủ quản các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của UBND Thành phố Thủ Đức về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Hiệp Bình;

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Trần Thị Bích Ngọc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
03	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
04	Hoàng Thị Vân	Thư ký Hội đồng	Thư ký
05	Đinh Thảo Lan Phương	Tổ trưởng chuyên môn -	Thành viên

		Toán	
06	Trần Thị Xuân Diệu	Tổ trưởng chuyên môn - Văn	Thành viên
07	Hồ Thị Kim Uyên	Tổ trưởng chuyên môn - Toán	Thành viên
08	Nguyễn Quỳnh Nghi	Tổ trưởng chuyên môn - Sử- Địa-CD	Thành viên
09	Nguyễn Anh Thơ	Tổ trưởng chuyên môn - Khoa học tự nhiên	Thành viên
10	Nguyễn Văn Tiệm	Tổ trưởng chuyên môn - Toán	Thành viên
11	Trần Thị Phượng	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	Thành viên
12	Đỗ Minh Long	Chủ tịch Công Đoàn	Thành viên
13	Phạm Văn Dũng	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Thành viên

c) Điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;.....

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, bà Nguyễn Thị Hoàng Anh: Quyết định số 14970/QĐ -UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng, bà Trần Thị Bích Ngọc: Quyết định số 7131/QĐ -UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng, ông Nguyễn Minh Tuấn: Quyết định số 5168/QĐ -UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Tp Thủ Đức;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

QUY CHẾ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TRƯỜNG THCS HIỆP BÌNH

(có điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số: 199/QĐ-THCSHB ngày 20/11/2024)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên trường

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIỆP BÌNH

Địa điểm: Số 5, đường số 4, Khu phố 25, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

07/01/1998 của UBND quận Thủ Đức.

Trước đây, Trường THCS Hiệp Bình được tách ra từ trường PTCS Hiệp Bình gồm Cấp 1 và Cấp 2. Riêng Cấp 2 được hình thành từ năm 1971-1972 với tên gọi là trường Trung học tỉnh hạt Hiệp Bình. Sau ngày giải phóng miền Nam 30/4/1975, trường Trung học tỉnh hạt Hiệp Bình sát nhập với trường Tiểu học Hiệp Bình thành trường Cấp 1, 2 Hiệp Bình, sau đổi tên là trường PTCS Hiệp Bình.

Đến ngày 07/01/1998, do nhu cầu phát triển Giáo dục, trường PTCS Hiệp Bình được tách Cấp 1 và Cấp 2 thành 2 trường: THCS Hiệp Bình và trường tiểu học Hiệp Bình Phước.

Từ khi được thành lập năm 1998 số lượng lớp, học sinh ngày càng tăng, đến nay trường có 53 lớp học với 2515 học sinh, cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Hoàng Anh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 5, đường số 4, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283.7270085

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

- Quyết định số 12/1998/QĐ-UB-VX ngày 07/01/1998 của UBND quận Thủ Đức về việc thành lập Trường THCS Hiệp Bình.

- Quyết định 185/QĐ-UBND ngày 05/2/2021 của UBND Tp Thủ Đức về thay đổi cơ quan chủ quản các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Thủ Đức;

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 3970/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của UBND Thành phố Thủ Đức về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Hiệp Bình;

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
01	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Trần Thị Bích Ngọc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
03	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
04	Hoàng Thị Vân	Thư ký Hội đồng	Thư ký
05	Đinh Thảo Lan Phương	Tổ trưởng chuyên môn -	Thành viên

12.	Nguyễn Văn Tiệm	TTCM tổ Văn Thể mỹ	Thành viên
13.	Trần Thị Phương	Trưởng Ban ĐD CMHS	Thành viên

Điều 6 . Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng trường

1. Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường;
2. Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
3. Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường;
4. Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường.

Điều 7. Chủ tịch và thư kí hội đồng trường

Chủ tịch hội đồng trường do các thành viên trong hội đồng bầu ra, thư kí hội đồng do chủ tịch hội đồng chỉ định.

Điều 8. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp quận bổ nhiệm, nhiệm kì 5 năm. Sau mỗi năm học, hiệu trưởng được cấp có thẩm quyền đánh giá công tác quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Tiêu chuẩn :

Về trình độ đào tạo và thời gian công tác : phải đạt trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục đối với cấp học, đạt trình độ chuẩn ở cấp học cao nhất đối với trường phổ thông và đã dạy ít nhất 5 năm ở THCS.

Đạt tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, đã bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ và quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; được tập thể giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

Điều 9. Phó hiệu trưởng

1. Phó hiệu trưởng là người giúp việc cho hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng do chủ tịch ủy ban nhân dân cấp quận bổ nhiệm.

2. Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm phó hiệu trưởng phải là giáo viên, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực quản lý trường học và có sức khỏe.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

A. Hiệu trưởng:

1. Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục từng năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

2. Thực hiện các nghị quyết, Quyết nghị của Hội đồng trường được quy định tại khoản 2 điều 20 của điều lệ trường trung học.

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học;

4. Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước, quản lý hồ sơ tuyển dụng giáo viên, nhân viên;

5. Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường;

7. Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường.

8. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

9. Chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ các nhiệm vụ được quy định.

B. Phó hiệu trưởng :

1. Thực hiện và chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công;

2. Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao;

3. Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền;

4. Được đào tạo nâng cao trình độ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 11 : Tổ văn phòng và các tổ chuyên môn

A. Tổ văn phòng

1. Trường Trung học cơ sở có một tổ văn phòng gồm các viên chức làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thủ quỹ và nhân viên khác. Tổ văn phòng có tổ trưởng, tổ phó.

2. Nhiệm vụ của tổ văn phòng:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường;

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

- Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó;

- Lưu trữ hồ sơ của trường.

3. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần.

B. Tổ chuyên môn

1. Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục. Mỗi tổ có ít nhất 7 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng, tùy tình hình cụ thể của mỗi tổ, phân công tổ phó.

2. Nhiệm vụ của tổ chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác;

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá xếp loại các thành viên của tổ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đề xuất khen thưởng và kỷ luật đối với giáo viên.

3. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần.

Điều 12. Các hội đồng khác trong nhà trường

1. Hội đồng thi đua và khen thưởng : Hội đồng thi đua khen thưởng tư vấn về công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng kỷ luật:

- Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét hoặc kỷ luật đối với học sinh theo từng vụ việc. Hội đồng kỷ luật do Hiệu trưởng quyết định thành lập và làm chủ tịch gồm có : Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn TNCSHCM, tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm lớp có học sinh phạm lỗi, một số giáo viên có kinh nghiệm giáo dục và trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh của trường;

- Hội đồng kỷ luật được thành lập để xét và đề nghị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, viên chức khác theo từng vụ việc. Việc thành lập, thành phần và hoạt động của Hội đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường.

3. Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn khác theo yêu cầu cụ thể của từng công việc. Nhiệm vụ, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng này do Hiệu trưởng quy định.

Điều 13. Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong trường

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường Trung học cơ sở lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng.

2. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường Trung học cơ sở theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

3. Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

- Tổng phụ trách là giáo viên Trung học cơ sở được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

- Tổng phụ trách Đội có nhiệm vụ tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Trường Trung học cơ sở Hiệp Bình có một Tổng phụ trách Đội.

Chương III

CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 14. Cơ sở vật chất, thiết bị

1. Diện tích trường: 3041 m², tổng số lớp: 53 với 2506 học sinh

2. Khuôn viên trường có xây tường rào bảo vệ cao 2m. Cổng trường và hàng rào đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ. Tại cổng chính có biển trường ghi bằng chữ rõ ràng, trang nhã, dễ đọc. Ngoài các khẩu hiệu chung trường còn có những khẩu hiệu mang tính giáo dục và phù hợp với yêu cầu cụ thể của nhà trường từng năm học.

4. Cơ cấu khối công trình :

* Khối phòng học: 34 phòng học

* Khối phòng phục vụ học tập :

- Phòng thư viện: 01

- Phòng thiết bị: 01

- Phòng vi tính: 03

- Phòng thí nghiệm thực hành: 01

* Khối phòng hành chính quản trị :

- Phòng Hiệu trưởng.

- Phòng Phó Hiệu trưởng.

- Phòng hành chính.

- Phòng giáo viên.

- Phòng y tế học đường.

- Phòng trực bảo vệ.

5. Phòng học

- Phòng học đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh về vệ sinh trường học.

- Phòng học có các thiết bị sau đây :

+ Bàn ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh;

+ Bàn ghế cho giáo viên;

+ Bảng lớp;

+ Hệ thống đèn và hệ thống quạt ;

+ Hệ thống bảng hiệu, trang trí.

6. Thư viện

- Thư viện trường phải phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

- Nhà trường tổ chức cho học sinh, theo từng loại đối tượng, được mượn sách giáo khoa, bảo đảm tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập.

- Trường có một thư viện với các phương tiện, thiết bị cần thiết theo quy định về Tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Thiết bị giáo dục

- Trường được trang bị đủ thiết bị giáo dục, tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục trong giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giáo viên có trách nhiệm sử dụng thiết bị giáo dục theo các yêu cầu về nội dung và phương pháp được quy định trong chương trình giáo dục.

Điều 15. Quản lý tài chính, tài sản

1. Quản lý tài sản của trường Trung học cơ sở tuân theo các quy định của pháp luật. Mọi thành viên trong trường có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà trường.

2. Việc quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của nhà trường thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương IV

GIÁO VIÊN, HỌC SINH

Điều 16. Giáo viên

A. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục; soạn bài; dạy thực hành thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá theo quy định; vào sổ điểm, ghi học bạ đầy đủ, lên lớp đúng giờ, quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức, tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn;

2. Tham gia công tác phổ cập giáo dục ở địa phương;

3. Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục;

4. Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục;

5. Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh, thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp;

6. Phối hợp giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên khác, gia đình học sinh, đoàn Thanh niên CSHCM; đội TN.TPHCM trong dạy học và giáo dục học sinh;

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

B. Quyền của giáo viên

1. Được nhà trường tạo điều kiện để giảng dạy và giáo dục học sinh.

2. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo.

3. Được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường;

4. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự.

6. Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

C. Các hành vi giáo viên không được làm

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của học sinh và đồng nghiệp.
2. Gian lận trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh; gian lận trong đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.
3. Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.
4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.
5. Hút thuốc lá, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục; sử dụng điện thoại di động khi đang dạy học trên lớp.
6. Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

Điều 17. Học sinh

A. Nhiệm vụ của học sinh

1. Kính trọng thầy giáo, cô giáo, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;
2. Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường;
3. Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường;
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giúp đỡ gia đình và tham gia công tác xã hội.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

B. Quyền của học sinh

1. Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao, thể dục của nhà trường theo quy định;
2. Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định nói tại Điều 37 của Điều lệ này;
3. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể dục, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện;
4. Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt;
5. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

C. Các hành vi học sinh không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

3. Làm việc khác; sử dụng điện thoại di động hoặc máy nghe nhạc trong giờ học; hút thuốc, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục.

4. Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng.

5. Lưu hành, sử dụng các ấn phẩm độc hại, đồi trụy; đưa thông tin không lành mạnh lên mạng; chơi các trò chơi mang tính kích động bạo lực, tình dục; tham gia các tệ nạn xã hội.

Chương V

KHEN THƯỞNG, KỈ LUẬT

Điều 18. Khen thưởng, kỉ luật

A. Học sinh

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng bằng các hình thức sau đây:

- Khen trước lớp, trước trường;

- Khen thưởng cho học sinh giỏi; học sinh xuất sắc

- Cấp giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, nếu đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Các hình thức khen thưởng khác.

2. Học sinh vi phạm khuyết điểm trong quá trình học tập, rèn luyện có thể được khuyến răn hoặc xử lý kỉ luật theo các hình thức sau đây:

- Nhắc nhở

- Phê bình

- Kiểm điểm

B. Giáo viên

1. Giáo viên có thành tích sẽ được khen thưởng, được tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác.

2. Giáo viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ trường phổ thông thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 6 chương, 19 điều.

2. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề mới phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Hiệu trưởng đề xuất hội đồng trường thông qua.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 32 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 90 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 20 đoàn viên giáo viên.
- + Ban đại diện CMHS có 11 thành viên.
- + Có 6 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Hiệu trưởng	0917018693	nthaxt2009@gmail.com
2	Trần Thị Bích Ngọc	Phó HT	0908618965	ngoc86nt@yahoo.com
3	Nguyễn Minh Tuấn	Phó HT	0975311784	minhtuanncq@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THCS HIỆP BÌNH GIAI ĐOẠN 2024-2029

Trường THCS Hiệp Bình đóng trên địa bàn phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thành lập theo Quyết Định số 12/1998/QĐ/UB-VX của Ủy ban nhân dân Quận Thủ Đức ngày 07/01/1998. Nhà trường có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu giáo dục ở bậc THCS cho con em nhân dân cư ngụ tại địa bàn phường Hiệp Bình Phước, cùng với các trường bạn trong địa bàn thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục và phát triển giáo dục toàn diện.

Trải qua chặng đường xây dựng và phát triển Trường THCS Hiệp Bình đã đạt được những thành tích đáng kể, góp phần phát triển giáo dục nâng cao trình độ dân trí của địa phương. Đội ngũ giáo viên không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ đào tạo và tay nghề, cơ sở vật chất đã từng bước hoàn thiện. Với những cố gắng đó, nhiều năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu trường tiên tiến, tập thể Lao động xuất sắc; Công đoàn nhà trường, Đoàn thanh niên

CSHCM, Đội TNTPHCM luôn đạt vững mạnh xuất sắc, Chi bộ nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hiện nay, nhà trường vẫn đang từng bước tiếp tục vươn lên để khẳng định: một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, phát triển toàn diện, là địa chỉ tin cậy của nhân dân địa phương và học sinh.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 đến 2024, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển. Là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Cán bộ quản lý nhà trường cũng như toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược phát triển của Trường THCS Hiệp Bình là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, của chính phủ về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục trong thời kỳ đổi mới đất nước theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

I. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Đặc điểm tình hình chung

1.1. Môi trường bên trong:

(1) Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Số lượng: 85

+ Trong đó: Ban giám hiệu: 3; Giáo viên: 78; Nhân viên: 03; TPT :01

- Chất lượng đào tạo:

+ Giáo viên: Trình độ Thạc sĩ: 9%, Đại học đạt 85,8 %, Cao đẳng: 5,2 %

+ Nhân viên: Đại học: 02; Cao đẳng 00; Trung cấp: 01.

- Giáo viên dạy giỏi các cấp:

+ Cấp trường: 20; cấp thành phố Thủ Đức: 04.

(2) Học sinh:

- Tuyển sinh vào lớp 6: Luôn đảm bảo đạt 100%

- Biên chế thành 48 lớp trong đó :

+ Khối 6: 623 học sinh: 13 lớp

+ Khối 7: 705 học sinh: 15 lớp

+ Khối 8: 582 học sinh: 12 lớp

+ Khối 9: 396 học sinh: 8 lớp

- Toàn trường học sinh 2306, bình quân 48 học sinh/ lớp.

(3) Điểm mạnh:

- Cán bộ quản lý: Có trình độ, năng lực, kinh nghiệm quản lý, lòng nhiệt tình, tâm huyết, có tầm nhìn, phương pháp làm việc năng động, khoa học, sáng tạo. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Tham mưu tốt với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Ban đại diện Cha mẹ học sinh trong công tác xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đội ngũ giáo viên, nhân viên: Được cơ cấu đồng bộ theo quy định; Có trình độ đào tạo trên chuẩn và đạt chuẩn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm khá tốt, đáp ứng tốt nhu cầu đổi mới giáo dục; Có lòng nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác, yêu nghề, mến trẻ, gắn bó với học sinh, mong muốn nhà trường phát triển và có uy tín cao đối với học sinh, phụ huynh.

(4) Điểm yếu:

- Phụ huynh ít có điều kiện quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của học sinh, hầu như khoán trắng cho nhà trường;

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Trình độ năng lực công tác chưa được đồng đều, một bộ phận nhỏ giáo viên năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm còn hạn chế, đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả chưa cao;

- Học sinh: Sĩ số học sinh trong một lớp cao.

- Diện tích sân chơi nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động tập thể cho học sinh toàn trường.

1.2. Môi trường bên ngoài:

(1) Thời cơ:

- Đội ngũ cán bộ giáo viên trẻ, yên tâm công tác, có lập trường bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá tốt;

- Là trường đào tạo học sinh phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ đáp ứng yêu cầu giáo dục trong tình hình mới;

- Nhà trường có truyền thống xây dựng các hoạt động phong trào và làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục;

- Là trường có uy tín đối với học sinh, phụ huynh và nhân dân trên địa bàn.

(2) Thách thức:

- Chất lượng giáo dục đào tạo đòi hỏi ngày càng cao, cơ sở vật chất đòi hỏi phải đầy đủ, hiện đại, phù hợp đổi mới nội dung chương trình giáo dục trong tình hình mới;

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên phải đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời kỳ mới.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khả năng làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự học tự bồi dưỡng, tự vươn lên của cán bộ giáo viên, nhân viên.

(3) Các vấn đề ưu tiên:

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên, chú trọng bồi dưỡng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống và năng lực công tác;

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phù hợp với mục tiêu giáo dục đào tạo;

- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của mỗi học sinh, xây dựng nền nếp làm việc khoa học, năng động, sáng tạo;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý;

- Giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và cộng đồng;

- Thực hiện nghiêm túc đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo chu kỳ và áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt động của nhà trường, của Cán bộ quản lý và giáo viên, học sinh.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC:

1. Tầm nhìn:

Từ năm 2024-2029: Giáo dục học sinh có động cơ, thái độ học tập đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm, tự trọng, phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Là nơi đáng tin cậy về chất lượng giáo dục.

2. Sứ mệnh:

Xây dựng môi trường học tập kỉ cương, nề nếp, chất lượng, phát huy tính tư duy, sáng tạo, tính đoàn kết, trung thực, thân ái, khát vọng vươn lên, biết ứng xử tốt với mọi tình huống trong cuộc sống tương lai.

3. Những giá trị cơ bản của nhà trường:

Tạo dựng môi trường học tập “Đoàn kết, trách nhiệm, thân thiện, hợp tác, sáng tạo, hiệu quả”.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, có cơ sở vật chất tốt.

Tiếp tục bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lý, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Phát hiện và bồi dưỡng đội ngũ học sinh giỏi.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2024 đến 2029:

+ Đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên:

+ Tổng số CB-GV-NV dự kiến 110 người.

Cán bộ quản lý: 100% cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Giáo viên: Có 100% giáo viên đạt trình độ đại học; 100% giáo viên có tay nghề chuyên môn khá – giỏi;

100% CB- GV- NV ứng dụng thành thạo CNTT phục vụ tốt cho công tác giáo dục, quản lý, giảng dạy.

+ Học sinh:

Quy mô: Lớp học: 53 lớp.

Học sinh: 2500

Chất lượng giáo dục: Có 100% Học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục thi vào các trường THPT, vào học các trường chuyên nghiệp, đào tạo nghề; các em biết hình thành thói quen và

phương pháp học tập độc lập, sáng tạo, năng lực tự chủ trong cuộc sống ...

Học sinh có kết quả học tập tốt 20-30%, khá 35-40%.

Học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi các cấp 15- 20 em / năm.

Kết quả rèn luyện: 99% khá, tốt.

Học sinh tốt nghiệp THCS 100%.

Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động đoàn đội và các hoạt động xã hội, từ thiện...

+ Kiểm định chất lượng giáo dục: Hoàn thành hồ sơ tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục và đăng ký đánh giá ngoài theo quy định hiện hành.

+ Cơ sở vật chất: Tiếp tục khai thác tốt cơ sở vật chất hiện có, nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng, tiếp tục làm tốt công tác tham mưu, công tác xã hội hóa giáo dục, mua sắm thêm trang thiết bị dạy học hiện đại, tài liệu tham khảo, giảng dạy... đáp ứng nhu cầu dạy và học trong thời kỳ đổi mới.

IV. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG:

1.Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hóa:

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung, chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động sinh hoạt, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn, giúp học sinh có được những kỹ năng sống tốt, trở thành những người công dân có ích.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng phụ trách tổ chuyên môn, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên bộ môn.

2. Xây dựng và phát triển đội ngũ:

Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức lối sống lành mạnh, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với trường, thương yêu học sinh, hợp tác giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xứng đáng là tấm gương về đạo đức, tự học, sáng tạo để học sinh noi theo.

Người phụ trách: Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, các giáo viên.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục:

Khai thác có hiệu quả điều kiện cơ sở vật chất đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ đổi mới.

Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và kế toán, nhân viên thư viện, thiết bị, y tế, văn phòng.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin:

Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập, xây dựng thư viện điện tử, trang bị các phần mềm về quản lý, sử dụng trang Thông tin điện tử nhà trường khai thác dữ liệu cũng như kế hoạch công tác, hội họp... góp phần nâng cao chất lượng quản lý dạy và học.

Người phụ trách: Phó hiệu trưởng chuyên môn, hội đồng chuyên môn, nhân viên công nghệ thông tin.

5. Huy động nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục.

Xây dựng nhà trường văn hóa, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia phát triển nhà trường.

- Nguồn tài chính

+ Ngân sách nhà nước: Thực hiện theo kế hoạch dự toán NS hàng năm;

+ Ngoài ngân sách: Tổ chức đoàn thể, cá nhân, cha mẹ học sinh.

- Nguồn lực vật chất:

+ Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc, hoạt động thể dục thể thao và các công trình phụ trợ khác.

+ Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy và học.

Người phụ trách: Cán bộ quản lý, Ban chấp hành công đoàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

6. Xây dựng thương hiệu:

Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

Xác lập tín nhiệm, thương hiệu đối với trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu nhà trường.

V. TỔ CHỨC THEO DÕI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Triển khai, phổ biến kế hoạch:

Kế hoạch được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện:

Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược có thể điều chỉnh kế hoạch sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Quá trình thực hiện:

Từ năm 2024 đến 2029: Tiếp tục đưa các hoạt động nhà trường đi vào nền nếp kỷ cương và hình thành những yếu tố mới tạo nên một nhà trường có chất lượng giáo dục tốt.

Xác lập thương hiệu Trường THCS Hiệp Bình là trường hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, có chất lượng giáo dục cao đáp ứng được yêu cầu xã hội, mỗi học sinh được phát triển năng lực cá nhân và tư duy độc lập sáng tạo. Thực hiện tốt chương trình Giáo dục phổ thông theo quy định hiện hành.

(1) Đối với hiệu trưởng: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, thành lập ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch

trong từng năm học.

(2) Đối với Phó hiệu trưởng: Căn cứ nhiệm vụ được phân công giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

(3) Đối với các tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thực hiện kế hoạch của tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch chiến lược.

(4) Đối với cá nhân, cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học, đề xuất các giải pháp để tiếp tục thực hiện kế hoạch cho những năm tiếp theo.

(5) Các đoàn thể trong nhà trường: Triển khai thực hiện kế hoạch trong đoàn thể được phân công phụ trách. Báo cáo thường kỳ nội dung, biện pháp, kết quả thực hiện.

Đây là Kế hoạch chiến lược Trường THCS Hiệp Bình giai đoạn 2024-2029, với tất cả tình cảm và vì mục tiêu chung của nhà trường, tập thể CB-GV-NV, học sinh, cha mẹ học sinh Trường THCS Hiệp Bình sẽ tích cực tham gia thực hiện với tinh thần, trách nhiệm cao nhất, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nội dung đề ra./

QUY CHẾ

DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG THCS HIỆP BÌNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-HB ngày 20 tháng 11 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường THCS Hiệp Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích thực hiện dân chủ trong nhà trường

1. Thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất những điều đã quy định trong Luật Giáo dục, Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 01/03/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo phương châm “Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra” và Thông tư 36/2017/BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 17/12/2017 về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện có hiệu quả các nội dung quy định trong Bộ Luật lao động, Luật Công đoàn 2012, Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (sau đây gọi tắt là CB, CC, VC) và nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng, người đứng đầu trong nhà trường theo luật định; góp phần xây dựng đội ngũ CB, CC, VC là công bộc của nhân dân, có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu

phát triển và đổi mới của đất nước.

3. Phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiền hà, sách nhiễu...

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong nhà trường

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện trách nhiệm của Hiệu trưởng và phát huy vai trò của các đoàn thể trong nhà trường.

2. Thực hiện dân chủ trong nhà trường phù hợp với Hiến pháp và Pháp luật. Quyền phải đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm; Dân chủ phải gắn liền với kỷ luật, kỷ cương trong nhà trường.

3. Không được có hành vi lợi dụng dân chủ cũng như xâm phạm quyền dân chủ làm ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của nhà trường.

Chương II

DÂN CHỦ TRONG NỘI BỘ NHÀ TRƯỜNG

Mục 1

TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG, NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NGƯỜI LAO ĐỘNG, HỘI ĐỒNG TRƯỞNG VÀ TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 3. Trách nhiệm của Thủ trưởng

1. Thực hiện dân chủ trong quản lý điều hành mọi hoạt động của nhà trường; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với CB, CC, VC của nhà trường.

2. Tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và học kỳ để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của nhà trường. Cuối năm học, tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của nhà trường tại hội nghị CB, CC, VC.

3. Lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thông qua họp Hội đồng trường, hội đồng sư phạm, sinh hoạt tổ, hoạt động đoàn thể, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh, trao đổi trực tiếp của cá nhân,... và có biện pháp giải quyết theo đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, theo nội quy, quy chế, điều lệ của nhà trường và phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm được giao của Hiệu trưởng.

4. Ban hành quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong nhà trường bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; sử dụng tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện đầy đủ các quy định về công khai tài chính. Thực hiện việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản của nhà trường theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thông báo công khai cho CB, CC, VC biết những việc được quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

6. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong nhà trường thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ hội họp theo định kỳ sau:

- Hàng tuần họp hội ý giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.

- Hàng tháng họp giao ban Ban giám hiệu với Bí thư chi bộ, các tổ trưởng, đại diện Ban Chấp hành Công đoàn và Đoàn thanh niên để đánh giá việc thực hiện công tác tháng qua, lắng nghe ý kiến đóng góp từ đó định ra những công việc chủ yếu thực hiện trong tháng tới.

- Ít nhất 1 năm 4 lần họp Hội đồng trường; Hội đồng sư phạm của nhà trường.

- Cuối học kỳ 1 và cuối năm học tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động và tổ chức khen thưởng tại nhà trường.

- Cuối năm thực hiện đánh giá người dạy, cán bộ, viên chức về việc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác và hoạt động chung của nhà trường, công khai kết quả đánh giá và lưu trữ trong hồ sơ cá nhân.

- Phối hợp với tổ chức Công đoàn trong nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức mỗi năm một lần theo quy định của Nhà nước.

8. Chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong nhà trường quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, xem xét, xử lý kịp thời người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường và người có hành vi trả thù, trù dập nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động và người học khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

9. Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của CB, CC, VC và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân nhà trường; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

10. Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường và người có hành vi trả thù, trù dập CB, CC, VC khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động

1. Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế làm việc của nhà trường; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người phụ trách trực tiếp và trước người đứng đầu trong nhà trường về việc thi hành nhiệm vụ của mình. Trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức được trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp có thẩm quyền.

Đối với viên chức được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật, được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thực hiện phê bình và tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, có giải pháp sửa chữa khuyết điểm; thẳng thắn đóng góp ý kiến để xây dựng nội bộ nhà trường trong sạch, vững mạnh..

4. Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, đề án của nhà trường khi được yêu cầu.

5. Báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của nhà trường.

Mục 2

NHỮNG VIỆC PHẢI CÔNG KHAI ĐỀ CB, CC, VC ĐƯỢC BIẾT

Điều 5. Những việc phải công khai

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của nhà trường.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức:

- Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

2. Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của nhà trường trong từng năm học.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức:

- Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

3. Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của nhà trường; tài sản, trang thiết bị của nhà trường; kết quả kiểm toán.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường.

Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

4. Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ

chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của nhà trường.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

5. Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong nhà trường đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

7. Các nội quy, quy chế của nhà trường.

Nội dung này được thực hiện công khai:

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

8. Kết quả tiếp thu ý kiến của CB, CC, VC về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu nhà trường đưa ra lấy ý kiến CB, CC, VC quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

9. Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của nhà trường.

Nội dung này được thực hiện công khai:

- Bằng hình thức: Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

- Vào thời điểm: Ngay khi được ban hành.

- Công khai trong thời gian: 5 ngày làm việc.

- Tại địa điểm: Phòng giáo viên, trên trang web của nhà trường.

Mục 3

NHỮNG VIỆC CB, CC, VC THAM GIA Ý KIẾN, NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NHÀ TRƯỜNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 6. Những việc CB, CC, VC tham gia ý kiến

1. Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của nhà trường.

2. Kế hoạch công tác hàng năm (năm học) của nhà trường.

3. Tổ chức phong trào thi đua của nhà trường.

4. Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường.

5. Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiến hà, sách nhiễu nhân dân.

6. Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; bầu cử, bổ nhiệm CB, CC, VC.

7. Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của CB, CC, VC.

8. Các nội quy, quy chế của nhà trường.

Điều 7. Hình thức tham gia ý kiến

Căn cứ đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến, nhà trường áp dụng một trong ba hình thức tham gia ý kiến sau đây:

1. CB, CC, VC tham gia ý kiến trực tiếp hoặc tham gia ý kiến thông qua người đại diện

với người đứng đầu nhà trường.

2. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.
3. Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản đề CB, CC, VC tham gia ý kiến.

Mục 4

NHỮNG VIỆC CB, CC, VC GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 8. Những việc CB, CC, VC giám sát, kiểm tra

1. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm (năm học) của nhà trường.
2. Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của nhà trường.
3. Thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường.
4. Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của CB, CC, VC trong nhà trường.
5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ nhà trường.

Điều 9. Hình thức giám sát, kiểm tra

Nhà trường tổ chức đề CB, CC, VC giám sát, kiểm tra thông qua ba hình thức sau đây:

1. Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của nhà trường.
2. Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của nhà trường.
3. Thông qua hội nghị CB, CC, VC của nhà trường.

Mục 5

NHỮNG VIỆC NGƯỜI HỌC, CHA MẸ HỌC SINH (HOẶC NGƯỜI GIÁM HỘ HỢP PHÁP CỦA HỌC SINH) ĐƯỢC BIẾT VÀ THAM GIA Ý KIẾN

Điều 10. Những việc được biết

1. Chủ trương, chế độ chính sách của Nhà nước, của Ngành và những quy định của nhà trường đối với người học.
2. Kết quả giảng dạy, học tập, kết quả thi tốt nghiệp, thi học sinh giỏi, thi vào Đại học, Cao đẳng; Kế hoạch tuyển sinh, biên chế năm học có liên quan đến học tập, rèn luyện sinh hoạt và các khoản đóng góp theo quy định (đối với trường TCCN và CĐ có đánh giá so sánh kết quả học tập, tốt nghiệp đầu ra và số đào tạo phục vụ yêu cầu của xã hội).
3. Chủ trương kế hoạch tổ chức cho người học phấn đấu gia nhập các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Điều 11. Những việc được tham gia ý kiến

1. Nội quy học sinh và những quy định có liên quan đến người học.
2. Tổ chức phong trào thi đua.

3. Việc tổ chức giảng dạy, học tập trong nhà trường có liên quan đến quyền lợi của người học.

Điều 12. Hình thức công khai

Những nội dung trên được công khai bàn bạc bằng những hình thức sau:

- Niêm yết công khai những quy định về tuyển sinh, nội dung quy chế học tập, lịch thi, kết quả thi tốt nghiệp, thi cao đẳng, đại học, lên lớp, hiệu suất đào tạo, tiêu chuẩn đánh giá xếp loại học sinh, khen thưởng và kỷ luật; niêm yết công khai học phí, các khoản thu khác theo quy định; thông tin trên website của trường, trung tâm, cơ sở giáo dục

- Định kỳ ít nhất trong năm học 3 lần tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh để thông báo kế hoạch và nhiệm vụ năm học, trách nhiệm của cha mẹ học sinh, sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình người học, thông báo kết quả học tập, rèn luyện của người học.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp là đại diện cho nhà trường tổ chức các hoạt động thực hiện dân chủ tại lớp mình, thường xuyên tiếp thu và tổng hợp ý kiến của học sinh và cha mẹ học sinh để kịp thời phản ánh cho Thủ trưởng.

- Đặt hòm thư góp ý hoặc hình thức góp ý khác để học sinh, cha mẹ học sinh thuận lợi trong việc đóng góp ý kiến.

Mục 6

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ TRONG NHÀ TRƯỜNG

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường

Người đứng đầu các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường là người đại diện cho tổ chức, đoàn thể đó có trách nhiệm (cần cụ thể trách nhiệm Cấp ủy Chi bộ, Ban Chấp hành CĐCS, Ban Chấp hành Đoàn trường) theo các nội dung:

1. Phối hợp với nhà trường trong việc tham gia xây dựng, phối hợp tổ chức, thực hiện và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

2. Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức, đoàn thể, dân chủ bàn bạc các chủ trương, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, có trách nhiệm lắng nghe ý kiến của quần chúng, phát hiện những vi phạm Quy chế dân chủ trong nhà trường, báo cáo Ban Chấp hành CĐCS để đề nghị Thủ trưởng giải quyết. Thủ trưởng không giải quyết được thì báo cáo lên cấp có thẩm quyền trong ngành theo phân cấp quản lý để xin ý kiến chỉ đạo giải quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của cha mẹ, người giám hộ và ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường:

1. Ban đại diện cha mẹ học sinh có trách nhiệm tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các cha mẹ học sinh để cùng nhà trường giải quyết các vấn đề sau đây:

1.1. Nội dung công việc có liên quan đến sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình để giải quyết những việc có liên quan đến học sinh.

1.2. Vận động cha mẹ học sinh thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ mà học sinh được hưởng hoặc nghĩa vụ phải đóng góp theo quy định.

1.3. Vận động cha mẹ học sinh thực hiện các hoạt động xã hội hóa giáo dục ở địa

phương.

2. Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của học sinh có thể phản ánh, trao đổi, góp ý kiến trực tiếp với nhà trường, với giáo viên hoặc thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh về những vấn đề liên quan đến công tác giáo dục trong nhà trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Quy chế này được xem xét, sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết của Hội nghị CB, CC, VC hàng năm/ năm học.

- Các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt Quy chế này sẽ được khen thưởng, vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

- Thủ trưởng có nhiệm vụ thực hiện và chỉ đạo thực hiện những quy định trong Quy chế này phù hợp thực tế của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(File Excel đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Báo cáo 2024-2025	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023-2024
1	Diện tích đất	3041m ²	3041m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	0,6 m ²	0,8 m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	0%	0%
4	Số đầu sách	9274 bản	8976 bản
5	Số bản sách/người học	4.0/HS	4.0/HS

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THCS Hiệp Bình	Số 5 Đường số 4 Khu phố 25 phường Hiệp Bình, TpHCM	3041m ²	1952,3m ²

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới	0	0
2	Nâng cấp	0	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm, bộ môn	0	0
Tổng cộng		0	0

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Trung học cơ sở Hiệp Bình, tên viết tắt là: Trường THCS Hiệp Bình.

Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Trường chưa đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Mức độ đạt kiểm định: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 1.

Lý do chưa đạt:

- Diện tích đất 0,6m²/HS.

- 36 phòng học/53 lớp.

- Phòng bộ môn: 03 phòng Tin học thiếu phòng Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ.

- Phòng thí nghiệm thực hành: 01 KHTN.

- Phòng Thư viện: 01- 56 m².

Diện tích các phòng thiếu và không đạt chuẩn, khu sân chơi, TDTT, vệ sinh đều thiếu. Do đó tiêu chuẩn về CSVC không đạt.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
6	15	733	15	725	0			8		8
7	13	608	13	598	0			10		10
8	9	409	9	404	0			5		5
9	11	526	11	522	0			4		4

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học

a. Kết quả rèn luyện

Khối	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước
6	725	694/95,72	31/4,28	0	0	
7	598	535/89,46	60/10,03	3/0,5	0	
8	404	363/89,85	36/8,91	5/1,24	0	
9	522	484/92,72	33/6,32	5/0,96	0	

b. Kết quả học tập

Khối	Tổng số HS	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	So với năm học trước
6	725	319/44,00	254/35,03	150/20,69	2/0,28	
7	598	261/43,65	215/35,95	118/19,73	4/0,67	
8	404	187/46,29	147/36,39	69/17,08	1/0,25	
9	522	190/36,40	207/39,66	125/23,85	0	

c. Thống kê danh hiệu

Khối/SS	Học sinh Xuất sắc	Học sinh Giỏi	Học sinh khá
6/623	128/17,66	191/26,34	254/35,03
7/705	118/19,73	143/23,92	215/35,95
8/582	74/18,32	113/27,97	147/36,39
9/396	78/14,94	112/21,56	207/39,66

- Số học sinh lưu ban: 07/0,31%

- Số học sinh đậu tốt nghiệp 100%.

d. Kết quả các cuộc thi, hội thi.

2.1. Đối với học sinh

STT	Kỳ thi, cuộc thi, hội thi	Kết quả	Ghi chú
1	Học sinh giỏi Tp Thủ Đức	117 HS được công nhận	(42 HS đạt giải cao)
2	Học sinh giỏi TpHCM	02 HS	01 giải II – Địa; 01 giải III Tin học
3	Bóng bàn cấp Tp Thủ Đức	01	Giải II cá nhân
4	Cầu lông cấp Tp Thủ Đức	03	Giải III đội nam, giải III đôi nữ, giải III đôi nam nữ
5	Bóng bàn nam 8 -10 cấp Tp Hồ Chí Minh	01	Giải I đồng đội
6	Bóng bàn nam 8 -9 cấp Tp Hồ Chí Minh	01	Giải III đồng đội
7	Hội Trung thu cấp thành phố Thủ Đức	01	Khuyến khích

8	Hội thi Trống kèn cấp thành phố Thủ Đức	01	Phong trào
9	Hội thi Chi huy Đội giỏi cấp thành phố Thủ Đức	02	01 Giải II, 01 công nhận
10	Hội thi vẽ túi vải “Ước mơ của em”.	02	Khuyến khích

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Hội thi thiết kế bài giảng STEM, tích hợp cấp Thành phố Hồ Chí Minh.	01	Giải II
Giáo viên dạy giỏi cấp trường		
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	10	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Tp Thủ Đức	04	01 đạt Giải II, 01 đạt Giải III, 02 được công nhận.
Chiến sĩ thi đua cơ sở	34	
Hội thi đồng diễn Thẻ dục giữa giờ Công đoàn Tp Thủ Đức.	01	Khuyến khích
Hội diễn Văn nghệ ngành Giáo dục cấp Tp Thủ Đức	01	Giải II
Giải Bài hát tự biên hay nhất.	01	
Hội thi “Cán bộ, đoàn viên công đoàn năng động, thanh lịch cùng áo dài”	01	Giải III

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp	8.695
1.1	Học phí	
1.2	Thu sự nghiệp	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	8.695
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Học phí	
	Thu sự nghiệp	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.797
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (13)	11.423
	- Bổ sung từ nguồn CCTL của tỉnh (14)	5.374
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.953
	Trong đó: - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (12)	2.953
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP NĂM 2025 (Đến ngày
30/06/2025) - ĐVT: đồng**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Dự toán năm trước chuyển sang	0	
	Trong đó: - Trong khoán	0	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	0	
	- Sửa chữa	0	
	- Mua sắm (Trang bị PCCC)	0	
I	Dự toán được giao năm 2025	32.255.403.000	
	Trong đó: - Trong khoán	11.423.404.000	
	- CCTL	5.374.015.000	
	- KP chi CNTT	11.654.809.000	
	- KP KT	849.979.000	
	- Ngoài khoán	2.495.996.000	
	- Sửa chữa	279.000.000	
	- Mua sắm	178.200.000	
II	Tổng dự toán điều chỉnh giảm	0	
	Trong đó: - Trong khoán	0	
	- CCTL	0	
	- Ngoài khoán	0	
	- Dự toán giữ lại (nguồn)	0	
	- Mua sắm	0	
II	Tổng dự toán được sử dụng năm 2025	32.255.403.000	
	Trong đó: - Trong khoán	11.423.404.000	
	- CCTL	5.374.015.000	
	- KP chi CNTT	11.654.809.000	

	- KP KT	849.979.000	
	- Ngoài khoán	2.495.996.000	
	- Mua sắm , sửa chữa	457.200.000	
III	Tổng kinh phí đã sử dụng đến ngày 30/06/2025	12.291.769.150	
	Trong đó: - Trong khoán (chi tiết đính kèm)	4.710.933.985	
	- CCTL	2.677.256.083	
	- KP chi CNTT	3.699.461.247	
	- Ngoài khoán	1.031.252.835	
	- Sửa chữa	172.865.000	
	- Mua sắm		
IV	Tổng kinh phí còn tại KBNN	19.963.633.850	
	Trong đó: - Trong khoán	6.712.470.015	
	- CCTL	2.696.758.917	
	- KP chi CNTT	7.955.347.753	
	- KP KT	849.979.000	
	- Ngoài khoán	1.464.743.165	
	- Sửa chữa	106.135.000	
	- Mua sắm	178.200.000	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Ghi chú
I	Quyết toán thu			
A	Tổng số thu	10.935.204.368	10.935.204.368	
1	Số thu phí, lệ phí	5.398.830.000	5.398.830.000	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Thu sự nghiệp khác	5.536.374.368	5.536.374.368	

B	Chi từ nguồn thu được để lại	5.844.171.988	5.844.171.988	
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.030.309.673	1.030.309.673	
1.1	Chi sự nghiệp.....	4.813.862.315	4.813.862.315	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Chi lương			
	Chi vật tư văn phòng			
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở			
	Chi mua báo tạp chí của Đảng			
	Chi trợ cấp cấp ủy			
	Chi tiền tết			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
7750	Chi khác	-	-	
7799	Chi các khoản khác			
C	Số thu nộp NSNN			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			

1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
			
1.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ			
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	19.467.376.727	19.467.376.727	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.636.851.892	5.636.851.892	
2	Nghiên cứu khoa học			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>			
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 13	13.041.227.946	13.041.227.946	
6000	Tiền lương	6.042.012.844	6.042.012.844	
6001	Lương theo ngạch, bậc	6.042.012.844	6.042.012.844	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			
6100	Phụ cấp lương	2.390.741.788	2.390.741.788	
6101	Phụ cấp chức vụ	60.459.481	60.459.481	
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	281.441.396	281.441.396	
6107	Phụ cấp độc hại			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.799.868.119	1.799.868.119	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	26.003.000	26.003.000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	828.866.291	828.866.291	
6250	Phúc lợi tập thể			
6299	Chi khác (tiền nước uống)			
6300	Các khoản đóng góp	1.627.606.600	1.627.606.600	
6301	Bảo hiểm xã hội	1.178.491.864	1.178.491.864	
6302	Bảo hiểm y tế	207.969.137	207.969.137	
6303	Kinh phí công đoàn	137.161.005	137.161.005	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	69.323.067	69.323.067	
6349	Các khoản đóng góp khác	34.661.527	34.661.527	

6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	68.090.400	68.090.400	
6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ			
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	68.090.400	68.090.400	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	12.847.018	12.847.018	
6501	Tiền điện	10.616.218	10.616.218	
6502	Tiền nước	2.230.800	2.230.800	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường			
6550	Vật tư văn phòng	9.013.000	9.013.000	
6551	Văn phòng phẩm	9.013.000	9.013.000	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
6599	Vật tư văn phòng khác			
6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc	11.727.354	11.727.354	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	2.017.754	2.017.754	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			
6608	Sách, báo, tạp chí, thư viện	9.709.600	9.709.600	
6618	Khoán điện thoại			
6649	Khác			
6700	Công tác phí	20.200.000	20.200.000	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe			
6702	Phụ cấp công tác phí			
6703	Tiền thuê phòng ngủ			
6704	Khoán công tác phí	20.200.000	20.200.000	

6750	Chi thuê mướn	-	-	
6751	Chi thuê phương tiện vận chuyển	-	-	
6754	Thuê thiết bị các loại			
6757	Thuê lao động trong nước			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ			
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin			
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (Máy photocopy)			
6916	Máy bơm nước			
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính			
6921	Đường điện, cấp thoát nước			
6949	Các tài sản khác			
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	61.937.200	61.937.200	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho chuyên môn			
7004	Chi trang phục, đồng phục	13.500.000	13.500.000	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác	48.437.200	48.437.200	
7000	Mua sắm tài sản vô hình	-	-	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công	-	-	

	nghệ thông tin			
7750	Chi khác			
7756	Chi các khoản phí và lệ phí của các đơn vị dự toán			
7758	Chi hỗ trợ khác			
7761	Chi tiếp khách			
7764	Chi khen thưởng	-	-	
7799	Chi khác	-	-	
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	2.191.155.243	2.191.155.243	
7951	Chi lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	1.424.250.908	1.424.250.908	
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị sự nghiệp	328.673.286	328.673.286	
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị sự nghiệp	109.557.762	109.557.762	
7954	Chi lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp	328.673.287	328.673.287	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở	-	-	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy			
	Nguồn kinh phí tự chủ - Nguồn 14 CCTL	-	-	
6000	Tiền lương	-	-	
6001	Lương theo ngạch bậc	-	-	

6003	Lương hợp đồng theo chế độ			
6100	Phụ cấp lương	-	-	
6101	Phụ cấp chức vụ	-	-	
6107	Phụ cấp độc hại	-	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	-	-	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	-	-	
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	6.426.148.781	6.426.148.781	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác (trợ cấp TT HC)	6.426.148.781	6.426.148.781	
6300	Các khoản đóng góp	-	-	
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-	
6302	Bảo hiểm y tế	-	-	
6303	Kinh phí công đoàn	-	-	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	
	Nguồn kinh phí không tự chủ - Nguồn 12	5.636.851.892	5.636.851.892	
6100	Phụ cấp lương	209.545.092	209.545.092	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	209.545.092	209.545.092	
6150	Học bổng và chi hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			
6400	Các khoản thanh toán khác cho các nhân	131.400.000	131.400.000	

6449	Chi trợ cấp khác	131.400.000	131.400.000	
6550	Vật tư văn phòng	37.464.000	37.464.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	37.464.000	37.464.000	
6750	Chi phí thuê mướn			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	216.676.800	216.676.800	
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	4.860.000	4.860.000	
6907	Nhà cửa	211.816.800	211.816.800	
6949	Các thiết bị công nghệ thông tin	10.600.000	10.600.000	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	32.000.000	32.000.000	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	32.000.000	32.000.000	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	94.350.000	94.350.000	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	94.350.000	94.350.000	
7049	Chi nghiệp vụ chuyên môn khác			
7750	Chi khác	4.952.880.000	4.952.880.000	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục	4.952.880.000	4.952.880.000	
	TỔNG CỘNG	25.104.228.619	25.104.228.619	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN HỌC PHÍ

NĂM 20225 (Đến ngày 30/06/20225)

(Chi thực hiện hết năm 2025)

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ chuyển sang		

	(tại KBNN)		
II	Tổng số thu	1.992.720.000	
	- Thu học phí:	1.992.720.000	
III	Tổng kinh phí sử dụng		
III	Tổng chi		
1.	Chi lương		
2.	Chi lương từ cấp bù học phí	384.523.420 -	
3.	Chi tiền CNPM, CSCX, GT	28.500.000	
4.	Chi mua vật tư văn phòng từ cấp bù học phí	-	
5.	Chi BDHSG	35.280.000	
6.	Chi các HĐ	20.456.000	
7.	Chi tiền điện	75.191.120	
8.	Chi tiền sửa chữa bàn ghế		
9.	Chi trích lập quỹ năm 2024	2.519.950.108	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm ngày 30/06/2025 (Tồn tại KBNN)	754.509.460	

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2025 (HỌC PHÍ- 6 tháng đầu năm 2025, năm 2026 bỏ biểu này)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu		
1	Số thu phí, lệ phí		

1.1	Học phí		
	Lương		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt		
6003	Lương hợp đồng dài hạn		
	Phụ cấp lương		
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp độc hại		
6112	Phụ cấp ưu đãi		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung	-	
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	
6449	Phụ cấp khác	-	
	Các khoản đóng góp		
	Các khoản đóng góp theo lương		
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
	Tổng cộng		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Thu sự nghiệp khác		
B	Chi từ nguồn thu được để lại		

1	Chi từ nguồn thu phí được để lại		
1.1	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
1.2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
C	Số thu nộp NSNN		
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi quản lý hành chính		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
2	Nghiên cứu khoa học		

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	HQC PHÍ		
6000	Lương		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt		
6003	Lương hợp đồng dài hạn		
6100	Phụ cấp lương		
6101	Phụ cấp chức vụ		
6107	Phụ cấp độc hại		
6112	Phụ cấp ưu đãi		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề, Phụ cấp thâm niên vượt khung		
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		
6449	Phụ cấp khác		

6300	Các khoản đóng góp	-	
6301	Bảo hiểm xã hội		
6302	Bảo hiểm y tế		
6303	Kinh phí công đoàn		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		
	Phúc lợi tập thể	-	
6257	Chi tiền nước uống giáo viên		
	Chi thanh toán dịch vụ công cộng		
6501	Chi tiền điện		
	Văn phòng phẩm	-	
6552	Mua máy nóng lạnh		
6552	Loa kéo di động		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, giấy vệ sinh		
6599	chi mua cây lau nhà, chổi, nước rửa tây, nước lau sàn, túi rác		
6599	chi mua chổi, thùng đựng rác, bàn chải		
6599	Vật tư văn phòng khác	-	
	Chi thuê mướn	-	
6799	chi thuê làm băng rol lễ sơ kết HKI, băng rol chúc mừng năm mới		
6799	chi thuê làm băng rol		
	Chi sửa chữa	-	
6912	Chi sửa máy vi tính		
6913	chuyển trả tiền sửa máy photo		

6917	Chuyển trả tiền nâng cấp phần mềm kế toán HCSN MISA Mimosa.NET 2019, bảo trì phần mềm QLTS		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		
7001	Chi mua đồng hồ đo điện cho phòng thực hành môn Lý		
7049	Chi khác (sửa chữa bàn ghế hs)		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở		
	Chi mua báo tạp chí của Đảng		
	Chi cấp ủy		
7750	Chi khác		
	Chi khác (tiền tết)		
7950	Chi trích lập các quỹ		
	Tổng cộng		

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN ĐHTH BUỔI 2 (nếu có) NĂM 202.... (đến ngày .../.../202...) không thu - ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm 202... chuyển sang		
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước		
II	Tổng thu:		
1	Thu tiền buổi 2 HKI Nh 202...-202...		
2	Thu tiền buổi 2 HKII NH 202...-202...		
III	Tổng chi:		

1	Nộp thuế 2% thu tiền buổi 2 HKI NH 202....202....		
2	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKI Nh 202...202....		
3	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKI Nh 202...202...		
4	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKI Nh 202....-202....		
5	Thuế 2% phải nộp HKII NH 202....-202...		
6	Chi tiền dạy buổi 2 cho gv HKII Nh 202...202...		
7	Chi tiền quản lí dạy buổi 2 HKII Nh 202...202....		
8	Chi tiền phục vụ hđ dạy buổi 2 HKII Nh 202....-202...		
9	Chi tiền mua quạt trần, bóng đèn		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm .../.../202... (Tại KBNN)		
	Trong đó: - Dùng chi tu sửa cơ sở vật chất điện nước (tồn tại KBNN)		

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE BAN ĐÀU
NĂM 2026 (Đến ngày 30/6/2025) - ĐVT: đồng**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ - cuối năm trước chuyển sang tại KBNN	0	
II	Tổng thu (BHXH chuyển về)	144.720.011	
III	Tổng số chi	6.473.040	
1	Chi tiền mua thuốc y tế cho hs	3.427.440	
2	Chi tuyên truyền	800.000	

3	Chi tiền photo giấy khám sức khỏe cho hs đầu năm học 202....-202...	3.045.600	
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm 30/06/2025 tại KBNN	137.446.971	

CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN PHÚC LỢI

NĂM 2025 (Đến ngày 30/6/2025)

ĐVT: đồng

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	TÒN CUỐI NĂM 2024 CHUYỂN SANG	482.590.321	
II	Trích lập quỹ phúc lợi từ nguồn NSNN CUỐI NĂM 2024, ĐẦU NĂM 2025	473.686.728	
III.	Lãi tiền gửi	0	
IV	Tổng số được sử dụng năm 2025	956.277.049	
V	Tổng số chi trong năm 2025	392.813.991	
1	Chuyển tiền tết dương lịch 2025	95.200.000	
2	Chuyển tiền đồng phục 2025		
3	Chuyển tiền hỗ trợ GV tham gia các hoạt động		
4	Chuyển tiền bánh mứt tết	4.993.500	
5	Chuyển tiền chăm lo tết		
6	Chuyển tiền quà lễ 1/6,30/4/,1/5	6.900.000	
7	Chuyển tiền tham gia du lịch hè	221.448.708	
8	Chuyển tiền trực không tham gia du lịch hè		
9	Chuyển tiền hỗ trợ nhân viên không hưởng PCUD	20.720.268	
10	Chuyển tiền quà 1/6		
11	Chuyển tiền Hỗ trợ tiền điện thoại	7.000.000	
12	Chuyển tiền LT, TT, TP, TTND, BTĐ	6.350.000	

13	Chuyển KSK GVNV	24.458.200	
14	Chuyển tiền Ngày nhà thuốc VN		
15	Chuyển tiền các hoạt động khác	5.743.315	
VI	TÒN TẠI THỜI ĐIỂM 30/6/2025	563.463.058	

**CÔNG KHAI THU - CHI TIỀN TÀI KHOẢN TẠI KHO BẠC NĂM 202... (Đến ngày
.../.../202....) - ĐVT:đồng**

STT	Chi tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Tồn đầu kỳ (cuối năm 202..... chuyển sang) - Tại KBNN		
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại		
	- Tiền buổi 2 còn lại Dùng để chi CSVC		
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
	- Quỹ khen thưởng		
	- Quỹ phúc lợi		
	- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
	- Tiền OTTN		
	- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
	- Tiền khen thưởng Sở chuyển		
II	Tổng số thu		
III	Tổng số chi		
IV	Tồn cuối kỳ - thời điểm .../.../202.... (tồn tại KBNN)		
	Trong đó: - Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu còn lại		
	- Tiền buổi 2 còn lại Dùng để chi CSVC		

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	...	
- Quỹ khen thưởng		
- Quỹ phúc lợi		
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
- Tiền OTTN		
- Tiền thu vệ sinh trường lớp		
- Tiền khen thưởng Sở chuyên		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Xây dựng kế hoạch giáo dục căn cứ điều kiện cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, phân công bố trí đội ngũ giáo viên phù hợp năng lực công tác và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Thực hiện linh hoạt và hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học phù hợp từng đối tượng học sinh

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

Đảm bảo thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá, thống nhất thực hiện ma trận đề, kết hợp kiểm tra trực tuyến và trực tiếp, nộp sản phẩm,...

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Lồng ghép giáo dục hướng nghiệp trong tiết học, tổ chức sinh hoạt chuyên đề hương nghiệp, tham quan ngoại khoá các trường Cao đẳng dạy nghề, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, đặc biệt là học sinh cuối cấp

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Tích cực tham gia các kỳ thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi do các cấp tổ chức. 01 giáo viên đạt giải Nhì hội thi thiết kế tích hợp Stem cấp thành phố. 04 giáo viên đạt giải Nhì, Ba, công nhận giáo viên giỏi cấp thành phố Thủ Đức. 02 học giỏi cấp Thành phố Hồ Chí Minh môn Tin học và Địa lý. Giáo viên và học sinh tích cực tham gia hoạt động phong trào Văn thể mỹ, đạt nhiều thành tích cấp Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Thủ Đức như Giải Ba môn cầu lông cấp thành phố Hồ Chí Minh, Giải Nhì văn nghệ mừng Đảng mừng Xuân, Giải Nhất bài hát tự biên hay nhất...

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh Tăng cường tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, sinh hoạt nếp sống văn minh đô thị, nói lời hay, làm việc tốt; tuyên truyền Luật an toàn giao thông, tác hại thuốc lá, thuốc lá điện tử...

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Triển khai thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, tổ chức toạ đàm lắng nghe tiếng nói trẻ em, đối thoại người lao động. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn trường học, môi trường xanh, sạch.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định (Nếu có)

Quản lý thực hiện dạy thêm học thêm ngoài nhà trường theo quy định Bộ Giáo dục và các cấp quản lý quy định. Giáo viên nộp hồ sơ dạy thêm ngoài nhà trường theo quy định. Công tác dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu tại trường không có thu phí, tổ chức thực hiện khi có đăng ký của học sinh và phụ huynh.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Quan tâm công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý. 100% tham gia học bồi dưỡng thường xuyên giáo viên. Cử giáo viên tham gia tập huấn tích hợp Stem, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo AI. Tạo điều kiện giáo viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hiện có 13 cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ thạc sĩ.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Quan tâm đổi mới công tác quản trị nhà trường, đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp tình hình mới trong giai đoạn hiện nay

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Tăng cường công tác truyền thông giáo dục thông qua sinh hoạt dưới cờ, bản tin nhà trường, hệ thống thông tin nhà trường và cha mẹ học sinh, trên website nhà trường, facebook... đảm bảo thông tin kịp thời, thông suốt.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường THCS Hiệp Bình.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường (để báo cáo);
- Website trường;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hoàng Anh